TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 788/2026/DS-ST
Ngày 24/6/2026
"V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Thanh Tùng.**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Hiệp;
Bà Lại Thị Thu Hà.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 7, Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Mai Xiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 332/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP B (BV)**.

Địa chỉ: Tòa nhà H, D N, phường B, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lý Hoài V- Tổng giám đốc; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đình A- Giám đốc TT QL và THN; Người được uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Văn M- Cán bộ Ngân hàng.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1953.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954.

Đều có cùng địa chỉ: Thôn L, xã Đ, thành phố Hà Nội;

(Có mặt: ông M, vắng mặt: ông T, bà L).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/8/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP B (gọi tắt BV B1) trình bày:

Ngày 01/4/2016, Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L có ký với Ngân hàng TMCP B (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng trung hạn số 0014/2016/XE.03.HĐTDTDH để vay số tiền 528.000.000 đồng; mục đích vay thanh toán một phần tiền mua ô tô; Thời hạn vay 60 tháng; Lãi suất vay được ghi cụ thể trên giấy nhận nợ; Lãi suất quá hạn: 150% lãi trong hạn; Thực hiện hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L số tiền 528.000.000đồng theo giấy nhận nợ ngày 01/4/2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 26/9/2018, ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ. BV đã nhiều lần liên hệ, đốc thúc khách hàng thanh toán nhưng đến nay ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L vẫn không thanh toán nợ vay cho V1.

Tính đến ngày 24/6/2026, ông T và bà L đã trả cho Ngân hàng số tiền là: 379.303.950 đồng; Trong đó nợ gốc: 260.000.000đồng; lãi là 119.303.950 đồng.

Tại đơn khởi kiện Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà L phải trả ngay cho BV B1 tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 31/7/2025 là 637.515.378 đồng, trong đó nợ gốc là 268.000.000đ; nợ lãi là 369.515.378 đồng.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Nay Ngân hàng đề nghị Toà án xem xét, giải quyết buộc ông T và bà L thanh toán ngay cho Ngân hàng tổng số nợ của Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 0014/02416/XE.03.HĐTDTDH ngày 01/4/2016 tính đến hết ngày 24/6/2026 là 631.731.231 đồng. Trong đó nợ gốc: 268.000.000đồng; nợ lãi trong hạn: 46.153.039 đồng; nợ lãi quá hạn: 317.578.192 đồng. Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ lãi phạt chậm trả lãi đến hết ngày 24/6/2026 là 58.593.274 đồng.

Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L phải tiếp tục chịu tiền lãi, phí phát sinh theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 25/6/2026 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà. Quá trình giải quyết vụ án, ông bà đều có ý kiến trình bày: Ông bà xác nhận có ký hợp đồng tín dụng số 0014/02416/XE.03. HĐTDTDH ngày 01/4/2026 với Ngân hàng TMCP B để vay số tiền vay là 528.000.000đồng, mục đích vay thanh toán tiền mua ô tô; thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất theo như thoả thuận tại hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, do ông bà có khó khăn nên không thanh toán đúng hạn được cho Ngân hàng. Tính đến ngày 31/7/2025, ông bà đều xác nhận còn nợ lại Ngân hàng số tiền là 637.515.378 đồng, trong đó nợ gốc là: 268.000.000đồng và nợ lãi là 369.515.378 đồng. Nay Ngân hàng có yêu cầu khởi kiện đề nghị ông bà thanh toán ngay toàn bộ số nợ còn lại, ông bà đều có ý kiến đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng nhưng do có khó khăn nên hiện tại ông bà không có khả năng trả nợ ngay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7- Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử và đương sự kể từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và đương sự đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ 631.731.231 đồng. Trong đó nợ gốc: 268.000.000đồng; nợ lãi trong hạn: 46.153.039 đồng; nợ lãi quá hạn: 317.578.192 đồng; Buộc ông T và bà L phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thoả thuận của hợp đồng kể từ ngày 25/6/2026 cho đến khi tất toán khoản vay.

Về xử lý tài sản bảo đảm, do Ngân hàng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L được miễn án phí. Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L trả tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0014/02016/XE.03.HĐTDTDH ngày 01/4/2016. Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L đều có địa chỉ nơi cư trú tại thôn L, xã X, huyện S, thành phố Hà Nội (Nay là thôn L, xã Đ, thành phố Hà Nội). Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng. Tòa án nhân dân Khu vực 7- Hà Nội thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo cấp và lãnh thổ. Quá trình giải quyết vụ án, không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn là ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho ông T, bà L. Ông T và bà L đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T và bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về việc xác lập Hợp đồng:

Hợp đồng tín dụng số 0014/02416/XE.03.HĐTDTDH ngày 01/4/2016 giữa Ngân hàng TMCP B với ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại các Điều 117, 119 của Bộ luật dân sự 2015 và Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên có hiệu lực pháp luật đối với các bên tham gia ký kết.

[2.2] Về nghĩa vụ thanh toán:

Ngân hàng TMCP B đã cấp vốn vay cho ông T và bà L theo Hợp đồng tín dụng số 0014/02416/XE.03.HĐTDTDH ngày 01/4/2016 với số tiền 528.000.000 đồng được thể hiện tại giấy nhận nợ số 01/0014/02416/XE.03.HĐTDTDH ngày 01/4/2016; Mục đích vay: Thanh toán mua 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu: Ford Ranger; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày 01/4/2016 đến ngày 01/4/2021. Cùng ngày Ngân hàng đã giải ngân cho ông T và bà L toàn bộ số tiền trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 26/9/2018, ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Cũng từ đó, khoản nợ của ông T, bà L chuyển sang quá hạn. Tính đến ngày 24/6/2026, Ông T và bà L đã trả được 379.303.950 đồng. Trong đó tiền gốc là 260.000.000đồng và tiền lãi là 119.303.950 đồng. Ông T và bà L còn nợ Ngân hàng với số tiền là 631.731.231 đồng. Trong đó nợ gốc: 268.000.000đồng; nợ lãi trong hạn: 46.153.039 đồng; nợ lãi quá hạn: 317.578.192 đồng.

Tại mục 6 Điều 11 (Thoả thuận khác) của Hợp đồng tín dụng quy định: "Vào bất kỳ thời điểm nào, bên cấp tín dụng có quyền khởi kiện bên được cấp tín dụng khi bên được cấp tín dụng không trả được một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (bao gồm nợ gốc, lãi và chi phí có liên quan) và/hoặc bên được cấp tín dụng vi phạm bất kỳ cam kết nào có liên quan đến Hợp đồng này."

Do phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận nên Ngân hàng đã có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L trả toàn bộ số nợ và lãi như đã thỏa thuận là có căn cứ.

Do Ngân hàng có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị được rút phần nợ lãi phạt chậm trả lãi tính tính đến hết ngày 24/6/2026 là 58.593274 đồng. Việc rút đơn là phù hợp quy định của pháp luật và hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với số tiền này.

[2.3] Về xử lý tài sản bảo đảm: Do Ngân hàng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

Căn cứ Điều 298, 299, 317, 318, 319, 322, 365, 463 và 466 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đối với ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L. Buộc ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 0014/02416/XE.03.HĐTDTDH ngày 01/4/2026 tính đến hết ngày 24/6/2026 là 631.731.231 đồng. Trong đó nợ gốc: 268.000.000đồng; nợ lãi trong hạn: 46.153.039 đồng; nợ lãi quá hạn: 317.578.192.

2. Kể từ ngày 25/6/2026 ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP B được hoàn lại số tiền 9.238.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016199 ngày 13/11/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7- Hà Nội.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 7, Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 7, Hà Nội;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng